

DANH SÁCH HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THÁNG 7 NĂM 2025																																					
(Thời điểm nghỉ vào ngày 01 tháng 7 năm 2025)																																					
STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Mức lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)										Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Ngày hiệu lực Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	Thời điểm đề nghị nghỉ hưu trước tuổi theo quy định	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (1.000 đồng)						Nguồn kinh phí thực hiện									
						Tổng công hệ số	Hệ số								Mức lương cơ sở (tại thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)							Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trong đó		Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Trong đó		Đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên: NSNN sẽ bố trí kinh phí giải quyết chính sách, chế độ trên số lương người làm việc hưởng lương từ NSNN được cấp có thẩm quyền		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi thường xuyên	
							Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	Đổi với người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên												Đổi với người nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi	Trợ cấp cho số năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc			Đổi với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi)	Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện	Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện			
1	2	3	4	5	6	7-8-11-12	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17-19-16	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	
KHỎI NHÀ NƯỚC																																					
A. Hành chính cấp xã																																					
I. Đối với trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định																																					
II. Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu																																					
1	Võ Thiệt	Nam	3/12/1967	Trung cấp	Công chức Địa chính - Xây dựng, UBND xã Ya Xiết	4,83	3,86						25%		2.340	11.290,50	30 năm 05 tháng	06 năm 11 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	58 tuổi 03 tháng	03 năm 09 tháng	866.546	508.073	508.073		225.810	132.663	45.162	87.501		866.546				
2	A Dân	Nam	7/26/1972	Đại học	Công chức Địa chính - Xây dựng, UBND xã Ya Tăng	4,83	3,86						25%		2.340	11.290,50	27 năm 06 tháng	22 năm 05 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	52 tuổi 11 tháng	04 năm 01 tháng	922.999	553.235	553.235		254.036	115.728	45.162	70.566		922.999				
3	Rơ Chăm Nghinh	Nam	5/15/1971	Đại học	Chủ tịch Hội Nông dân xã Ya Tăng	3,11	2,34	0,15					25%		2.340	7.283,25	25 năm 05 tháng	22 năm 06 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	54 tuổi 01 tháng	02 năm 11 tháng	431.533	254.914	254.914		109.249	67.370	29.133	38.237		431.533				
TỔNG CỘNG 03 TRƯỞNG HỢP																								2.221.078	1.316.222	1.316.222	-	589.095	315.761	119.457	196.304	-	2.221.078				

DANH SÁCH HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THÁNG 7 NĂM 2025
(Thời điểm nghỉ vào ngày 01 tháng 7 năm 2025)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Mức lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)												Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Ngày hiệu lực Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	Thời điểm đề nghị nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (1.000 đồng)										Chế độ được hưởng (Ghi rõ theo quy định tại Điều Khoản, Điều của Nghị định)
						Hệ số									Mức lương cơ sở (tại thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)	Tiền lương tháng hiện hưởng	Tổng số							Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực phụ hệ số 0,7 trở lên	Tổng công	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trong đó		Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm	Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Trong đó			
						Tổng công hệ số	Hệ số tương đương ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đáng, đoàn thể chính trị - xã hội													Đối với người nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên	Đối với người nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi			Đối với 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Đối với số năm còn lại (từ năm thứ 16 trở đi)		
1	2	3	4	5	6	7+8+...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17+19+6	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33		
KHỐI NHÀ NƯỚC																																		
A Hành chính cấp xã																																		
I Đối với trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định																																		
II Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu																																		
1	Võ Thiệt	Nam	3/12/1967	Trung cấp	Công chức Địa chính - Xây dựng, UBND xã Ya Xiêr	4,83	3,86							25%		2.340	11.290,50	30 năm 05 tháng	06 năm 11 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	58 tuổi 03 tháng	03 năm 09 tháng		866.546	508.073	508.073		225.810	132.663	45.162	87.501	Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP
2	A Dân	Nam	7/26/1972	Đại học	Công chức Địa chính - Xây dựng, UBND xã Ya Tàng	4,83	3,86							25%		2.340	11.290,50	27 năm 06 tháng	22 năm 05 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	52 tuổi 11 tháng	04 năm 01 tháng		922.999	553.235	553.235		254.036	115.728	45.162	70.566	Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP
3	Rơ Chăm Nghinh	Nam	5/15/1971	Đại học	Chủ tịch Hội Nông dân xã Ya Tàng	3,11	2,34	0,15						25%		2.340	7.283,25	25 năm 05 tháng	22 năm 06 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	54 tuổi 01 tháng	02 năm 11 tháng		431.533	254.914	254.914		109.249	67.370	29.133	38.237	Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP
TỔNG CỘNG 03 TRƯỜNG HỢP																								2.221.078	1.316.222	1.316.222	-	589.095	315.761	119.457	196.304			

DANH SÁCH HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ THỜI VIỆC THÁNG 7 NĂM 2025
(Thời điểm nghỉ từ vào ngày 01 tháng 7 năm 2025)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Mức lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)										Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Ngày hiệu lực Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền	Thời điểm đề nghị nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định	Kinh phí để thực hiện chế độ sắp xếp (1.000 đồng)					Nguồn kinh phí thực hiện				Chế độ được hưởng (Ghi rõ theo quy định tại Điểm Khoản, Điều của Nghị định)				
						Hệ số								Mức lương cơ sở (tại thời điểm tháng liền kề tháng nghỉ việc)	Tiền lương tháng hiện hưởng							Tổng cộng	Trợ cấp thôi việc	Trong đó		Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.	Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm (Không bao gồm đối tượng viên chức)	Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người lao động		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi thường xuyên		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi thường xuyên			
						Tổng công hệ số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, nghề nghiệp hiện hưởng	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ											Phụ cấp công tác đặc thù, đoàn thể chính trị - xã hội	Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên			Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi	Nguồn CCTL ngân sách tỉnh			Nguồn CCTL ngân sách huyện	Nguồn CCTL ngân sách tỉnh	Nguồn CCTL ngân sách huyện	
																																			Nguồn CCTL ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7=(8+	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=7*16	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
KHÔI NHÀ NƯỚC																																			
A Hành chính cấp xã																																			
1	A Chanh	Nam	13/8/1979	Đại học	Công chức Tài chính - Kế toán, UBND xã Ya Xiêr	4,99	3,99						25%		2.340	11.670,75	23 năm 06 tháng	06 năm 0 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	45 tuổi 10 tháng	16 năm 02 tháng	1.006.602	560.196	560.196		411.394	35.012		1.006.602				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
2	A Yh	Nam	20/7/1976	Trung cấp	Công chức Văn hóa - Xã hội, UBND xã Ya Xiêr	4,08	3,26						25%		2.340	9.535,50	27 năm 06 tháng	27 năm 06 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	48 tuổi 11 tháng	08 năm 01 tháng	879.650	457.704	457.704		393.339	28.607		879.650				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
3	Lương Văn Khiêm	Nam	22/7/1988	Đại học	Công chức Địa chính - Xây dựng, UBND xã Ya Xiêr	4,16	3,33						25%		2.340	9.740,25	10 năm 11 tháng	10 năm 11 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	36 tuổi 11 tháng	25 năm 01 tháng	657.467	467.532	467.532		160.714	29.221		657.467				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
4	A Hăng	Nam	03/3/1985		Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Ya Tàng	2,19	1,75						25%		2.340	5.118,75	09 năm 06 tháng	09 năm 06 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	40 tuổi 03 tháng	21 năm 9 tháng	333.998	245.700	245.700		72.942	15.356		333.998				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
5	A Sung	Nam	25/12/1990		Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Ya Ly	2,81	2,25						25%		2.340	6.581,25	8 năm 01 tháng	8 năm 01 tháng	01/7/2025	01/7/2025	62 tuổi	34 tuổi 6 tháng	27 năm 6 tháng	419.555	315.900	315.900		83.911	19.744		419.555				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
6	A Chuých	Nam	07/9/1987	Trung cấp	Công chức Văn hóa - Xã hội, UBND xã Ya Ly	4,08	3,26						25%		2.340	9.535,50	20 năm 6 tháng	17 năm 10 tháng	01/7/2025	01/7/2025	57 tuổi	37 tuổi 09 tháng	19 năm 03 tháng	779.528	457.704	457.704		293.217	28.607		779.528				Điều 9 Nghị định số 178/2024/ND-CP
TỔNG CỘNG 06 TRƯỞNG HỢP																							4.076.800	2.504.736	2.504.736	-	1.415.517	156.547	-	4.076.800					